

5. Yêu cầu giải quyết vấn đề này phải rất tích cực và khẩn trương đồng thời phải có kế hoạch cụ thể để giải quyết cho tốt, nhất là đối với số người cho thôi việc cần phải phân loại để giải quyết từng bước; song không nên kéo dài, vì vậy, những người có cơ sở làm ăn, những người quê ở nông thôn, hoặc những người mới vào làm thì cho thôi việc trước; những người chưa có cơ sở làm ăn, những người ở thành phố hoặc những người mà đời sống gia đình có nhiều khó khăn thì cho thôi việc sau, như thế để họ có điều kiện thời gian tìm kiếm công ăn việc làm.

III. THỜI GIAN VÀ KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH

Yêu cầu các bộ, các cơ quan và ủy ban hành chính địa phương chú ý tranh thủ giải quyết về căn bản trong quý 1 năm 1964. Những nơi có ít nhân viên hợp đồng, phụ động thì cố gắng hoàn thành sớm hơn.

Đề kịp tổng hợp chung; đề nghị các bộ, các cơ quan và ủy ban hành chính địa phương gửi cho bộ Nội vụ:

— Báo cáo tình hình hợp đồng, phụ động trước khi giải quyết; thời gian gửi: từ nay đến ngày 31-12-1964. (1)

— Báo cáo kết quả giải quyết và những vấn đề tồn tại, sau khi giải quyết, thời gian gửi: trước ngày 31-3-1964 (2).

Riêng đối với các cơ quan ít hợp đồng, phụ động thì gửi luôn cả hai báo cáo vào cuối tháng 1-1964.

Trong khi tiến hành, nếu gặp mắc mứu, các bộ, các cơ quan và ủy ban hành chính địa phương trao đổi kịp thời với bộ Nội vụ để góp ý kiến giải quyết.

(Mẫu 1 và 2 không đăng công báo)

Hà nội, ngày 6 tháng 12 năm 1963.

K. T. Bộ trưởng bộ Nội vụ

Thủ trưởng
LÊ TẮT ĐẮC

QUYẾT ĐỊNH số 211-NV về việc chia 4 xã của các huyện Đà bắc, Kim bôi, thuộc tỉnh Hòa bình.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ nghị định số 130-CP ngày 29-9-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của bộ Nội vụ.

Căn cứ quyết định số 56-CP ngày 24-4-1963 của Hội đồng Chính phủ ủy nhiệm cho bộ Nội vụ phê chuẩn việc phân vạch địa giới có liên quan đến các đơn vị hành chính xã và thị trấn;

Theo đề nghị của ủy ban hành chính tỉnh Hòa bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay phê chuẩn việc chia bốn xã của các huyện Đà bắc, Kim bôi thuộc tỉnh Hòa bình thành những xã mới như sau:

1. Chia xã Tú sơn của huyện Kim bôi thành hai xã và lấy tên là:

— Xã Đú sáng gồm các xóm: Bái tam, Nước dục, Tráng, Suối Cuối, Sáng, Gò Thấu, Chăm giọng, Đồng bãi, Gò Búi, Vó mái, Trung, Đồi mu và Nước rút;

— Xã Tú sơn gồm các xóm: Suối sáng, Suối măng, Đúp, Tiêng, Trọ, Cù trong, Cù ngoài, Quê kho, Bái chạo, Bội, Đò lái, Thung và Phố Cổ gắng.

2. Chia xã Dưng tiến của huyện Kim bôi thành ba xã mới và lấy tên là:

— Xã Mỹ hòa gồm các xóm: Mỹ, Đồng hòa, Bái khoai, Mý đông, Cảnh, Ba giang, Mả trong, Mù ngoài và Phố Mỹ;

— Xã Sào báy gồm các xóm: Sào đông Báy, Đồi bồi, Nà bờ, Đồng chờ, Khai đồi, Dăm giàn và Phố Báy;

— Xã Nuông dăm gồm các xóm: Lằm trong, Lằm ngoài, Mý tây Nuông thượng, Nuông trung, Nuông hạ, Dăm thượng, Dăm trung và Dăm hạ.

3. Chia xã Kim truy của huyện Kim bôi thành ba xã mới và lấy tên là:

— Xã Kim truy gồm các xóm: Cóc lằm, Yên, Quê bộ, Bái mu, Dưng và Trại òi;

— Xã Nam thượng gồm các xóm: Bôi cá, Nam thượng, Nước ruộng, Bình tân, Nam hạ, Bái xe và Phố Bương;

— Xã Cuối hạ gồm các xóm: Cuối thượng, Cuối hạ, Mù, Má khoang, Vọ, Nghĩa, Pang và Lụng.

4. Chia xã Hào tráng của huyện Đà bắc thành hai xã mới và lấy tên là:

Xã Vầy nửa gồm các xóm: Nỏ nẻ, Vầy, Nửa, Suối Cụt, Trà, Cảnh cửa, Sáng, Búng và Phố Bờ.

— Xã Hào tráng gồm các xóm: Bái hà, Mực, Mỏ hóm, Túp, Diêng, Trê, Châu, Tôm, Mát và Um.

Điều 2. — Ủy ban hành chính tỉnh Hòa bình, ông Vụ trưởng vụ Chính quyền địa phương bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà nội, ngày 7 tháng 12 năm 1963

K.T. Bộ trưởng bộ Nội vụ

Thủ trưởng

LÊ TẮT ĐẮC

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 24-TC-NHKT về việc cấp phát theo khối lượng công trình cho các công tác lắp đặt máy và gia công thiết bị trong xây dựng cơ bản.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Kính gửi:

Các Bộ, các Tổng cục và cơ quan ngang Bộ,

Các Ủy ban hành chính tỉnh và thành phố,

Các chi nhánh, chi điểm và phòng cấp phát thuộc Ngân hàng kiến thiết,

Đối với công tác lắp đặt máy và gia công thiết bị trong xây dựng cơ bản việc cấp phát từ trước tới nay phần lớn thực hiện theo lối thực chi thực thanh. Một số công trình tuy có lập được dự toán lắp máy để thực hiện cấp phát theo khối lượng, nhưng cách làm chưa thống nhất. Do đó, công tác quản lý vốn lắp máy và gia công thiết bị thường gặp nhiều trở ngại dễ xảy ra nhiều lãng phí và chưa có tác dụng thúc đẩy được tốc độ thi công lắp đặt máy và gia công thiết bị.

Tình trạng này đã kéo dài trong thời gian qua, một phần vì bản thân công tác thi công lắp đặt máy và gia công thiết bị có nhiều phức tạp; một phần vì Nhà nước chưa xây dựng được các chỉ tiêu định mức về thi công lắp đặt máy và gia công thiết bị.

Hiện nay, việc phân công thi công trong xây dựng cơ bản đã từng bước đi vào nền nếp, các xí nghiệp xây lắp đã được dần dần ổn

định và chuyên môn hóa. Các chỉ tiêu định mức về thi công lắp đặt máy và gia công thiết bị đã được Ủy ban kiến thiết cơ bản Nhà nước ban hành chính thức theo quyết định 633 — UB-DM ngày 10-8-1963. Điều kiện lập dự toán để làm căn cứ thực hiện cấp phát theo khối lượng công trình cho các công tác lắp máy và gia công thiết bị do đó đã có cơ sở thuận lợi.

Để tăng cường hơn nữa việc quản lý vốn xây dựng cơ bản, thực hiện nghiêm chỉnh điều 12 điều lệ cấp phát vốn xây dựng cơ bản ban hành theo nghị định số 64 — CP ngày 19-11-1960 của Hội đồng Chính phủ, bộ Tài chính quy định dưới đây những điều kiện, nguyên tắc, thủ tục và phương pháp cấp phát theo khối lượng công trình đối với các công tác lắp đặt máy, lắp đặt công cụ, bàn thợ và gia công chế tạo hay tinh chế thiết bị trong xây dựng cơ bản.

I. ĐIỀU KIỆN VÀ NGUYÊN TẮC CHUNG

Việc cấp phát theo khối lượng công tác lắp đặt máy và gia công thiết bị phải thực hiện theo các điều kiện và nguyên tắc sau đây:

1. Phải thực hiện chế độ ký kết hợp đồng giao nhận thi công giữa A và B hoặc giữa B chính và tổ chức thi công chia thầu (B phụ). Trường hợp các đơn vị kiến thiết tự làm, cũng nên xác định tổ chức A, B nội bộ và hợp đồng giao nhận thi công nội bộ.

2. Phải lập dự toán trên cơ sở các định mức của Nhà nước đã ban hành và theo các thành phần phí tồn phụ phí lắp máy và gia công thiết bị quy định trong công văn 881-UB-CQL ngày 14 tháng 4 năm 1959 và các văn bản khác có liên quan.

Riêng về các khoản phí tồn trực tiếp phí khác và phí tồn sử dụng máy thi công trong lắp máy và gia công vì hoàn toàn khác với các phí tồn này trong công trình kiến trúc, nên cần phải được giải quyết thích đáng với đặc điểm của công tác thi công lắp máy và gia công thiết bị và thích đáng với tổ chức và phương pháp thi công của từng công trình cụ thể.

3. Chế độ và phương pháp cấp phát phải đảm bảo cung cấp vốn đúng dự toán thiết kế, kịp thời cho nhu cầu thi công, sát khối lượng hoàn thành và phù hợp với đặc điểm của công tác thi công lắp máy. Đồng thời, cần đơn giản và phải phát huy tác dụng ngăn ngừa tình trạng thi công phân tán, đảm bảo thúc đẩy đưa nhanh công trình vào sản xuất.